

Số: 329 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai Đề án phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Thực hiện Quyết định số 1740/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch triển khai Đề án phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực giết mổ, chế biến, đa dạng hóa sản phẩm chăn nuôi, bảo đảm an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm chăn nuôi; Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường sản phẩm chăn nuôi trong nước và xuất khẩu.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Về giết mổ gia súc, gia cầm

- Phát triển một số cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm quy mô tập trung, công nghiệp với thiết bị tiên tiến, công nghệ hiện đại gắn với vùng sản xuất chăn nuôi hàng hóa¹.

- Bảo đảm tỷ lệ gia súc, gia cầm được giết mổ tập trung công nghiệp đạt tương ứng khoảng 60% và 70%.

b) Về chế biến thịt, trứng và sữa

- Phát triển một số cơ sở chế biến sản phẩm chăn nuôi có quy mô, công nghệ, quản lý ngang tầm khu vực và thế giới².

- Bảo đảm tỷ trọng thịt gia súc, gia cầm được chế biến so với tổng sản lượng thịt tương ứng từ 25% đến 30%.

- Tốc độ tăng giá trị gia tăng của sản phẩm chăn nuôi chế biến bình quân đạt 5%/năm.

¹ Hiện nay có 05 cơ sở giết mổ gia súc và 03 cơ sở giết mổ gia cầm quy mô tập trung, công nghiệp

² Hiện nay có 03 cơ sở chế biến thịt có quy mô, công nghệ, quản lý ngang tầm khu vực

- Về trình độ công nghệ: Từng bước nâng cao đáp ứng theo yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Tiếp tục phát triển các cơ sở chế biến thịt quy mô công nghiệp đạt trình độ công nghệ khoảng từ 15% tăng lên 25 - 30%; tỷ lệ cơ sở công nghệ trung bình tiên tiến từ khoảng 53% giảm còn 45-50%; tỷ lệ cơ sở trình độ công nghệ trung bình và lạc hậu từ khoảng 32% giảm còn 20 - 25%.

c) Về phát triển thị trường: Giá trị xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi đạt từ 0,27 tỷ USD vào năm 2025.

2.2. Mục tiêu từ năm 2026 - 2030

a) Về giết mổ gia súc, gia cầm

- Tiếp tục phát triển một số cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm quy mô tập trung, công nghiệp với thiết bị tiên tiến, công nghệ hiện đại gắn với vùng sản xuất chăn nuôi hàng hóa (định hướng đến năm 2030 có 17 cơ sở giết mổ gia súc và 05 cơ sở giết mổ gia cầm quy mô tập trung, công nghiệp).

- Bảo đảm tỷ lệ gia súc, gia cầm được giết mổ tập trung công nghiệp đạt tương ứng khoảng 70% và 80%.

b) Về chế biến thịt, trứng và sữa

- Tiếp tục phát triển một số cơ sở chế biến sản phẩm chăn nuôi có quy mô, công nghệ, quản lý ngang tầm khu vực và thế giới.

- Bảo đảm tỷ trọng thịt gia súc, gia cầm được chế biến so với tổng sản lượng thịt tương ứng từ 40% đến 50%.

- Tốc độ tăng giá trị gia tăng của sản phẩm chăn nuôi chế biến bình quân đạt 8%/năm.

- Về trình độ công nghệ: Từng bước nâng cao đáp ứng theo yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Tiếp tục phát triển các cơ sở chế biến thịt quy mô công nghiệp đạt trình độ công nghệ khoảng 50 - 55%; tỷ lệ cơ sở công nghệ trung bình tiên tiến từ 35 - 40%; tỷ lệ cơ sở trình độ công nghệ trung bình và lạc hậu từ 5 - 10%.

c) Về phát triển thị trường: Giá trị xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi đạt từ 0,38 tỷ USD vào năm 2030.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao chất lượng giết mổ gia súc, gia cầm và chế biến

a) Hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động tất cả các cơ sở giết mổ động vật tập trung thuộc mạng lưới cơ sở giết mổ động vật tập trung tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trước ngày 31 tháng 12 năm 2030.

b) Hỗ trợ phát triển và kết nối bảo đảm nguồn nguyên liệu đầu vào cho các cơ sở giết mổ tập trung, công nghiệp, công nghệ tiên tiến gắn với chế biến, thương mại sản phẩm.

c) Hoàn thiện cơ chế chính sách thu hút đầu tư phát triển các cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm chăn nuôi theo hướng công nghiệp, áp dụng công nghệ tiên tiến và liên kết chuỗi.

d) Áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

đ) Áp dụng hệ thống quản lý thông kê về giết mổ và chế biến; nâng cao nhận thức, hiểu biết của cộng đồng về sản phẩm chăn nuôi an toàn, có thương hiệu và truy xuất nguồn gốc.

2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật, thu hút đầu tư, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả chế biến các sản phẩm chăn nuôi

a) Thu hút các doanh nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi có quy mô lớn với thiết bị chế biến hiện đại, đồng bộ, công nghệ tiên tiến, gắn với các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, an toàn dịch bệnh và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm; đa dạng hóa chủng loại sản phẩm chế biến.

b) Kết nối chặt chẽ hệ thống cơ sở hạ tầng chế biến giữa người sản xuất, thu gom, chế biến với nhà phân phối sản phẩm chăn nuôi.

3. Tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị liên kết dọc và tăng cường kiểm soát chất lượng nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, sức cạnh tranh của sản phẩm chăn nuôi chế biến

a) Tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị liên kết dọc từ các khâu chăn nuôi, vận chuyển, giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; đồng thời, tổ chức có hiệu quả liên kết ngang trong các cơ sở chăn nuôi đảm bảo về số lượng và chất lượng chế biến.

b) Kiểm soát việc tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh thú y, chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm... đáp ứng quy định của Việt Nam cũng như đáp ứng các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết.

c) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Dự án “Quản lý chăn nuôi trang trại gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2019-2020, tầm nhìn đến năm 2025” và Dự án “Truy xuất nguồn gốc thực phẩm thiết yếu có nguồn gốc động vật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025”.

d) Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 15616/KH-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh về phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

đ) Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 25/10/2022 của UBND tỉnh về triển khai Đề án “Đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

e) Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 2867/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt chương trình phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

g) Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 15599/KH-UBND ngày 15/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi

a) Thị trường trong nước:

- Phát triển hệ thống phân phối sản phẩm chăn nuôi tại địa phương theo hướng bền vững; xây dựng hệ thống từ chăn nuôi đến giết mổ, chế biến và đến tay người tiêu dùng bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm;

- Xây dựng mô hình phát triển các sản phẩm chăn nuôi truyền thống, đặc sản, sản phẩm có thương hiệu, uy tín, bảo đảm chất lượng cao, an toàn thực phẩm, tiện dụng, giá cả cạnh tranh;

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại và tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

b) Thị trường xuất khẩu:

- Xây dựng thương hiệu và lên kế hoạch thực hiện phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi trọng điểm, quảng bá thương hiệu cho các nhóm sản phẩm chủ lực; tập trung nguồn lực xúc tiến thương mại vào các thị trường lớn như Trung Quốc, Nhật Bản, ASEAN... và các thị trường tiềm năng khác;

- Phân tích, dự báo nhu cầu, xu hướng tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi chủ lực, có thương hiệu làm căn cứ để định hướng phát triển;

- Chủ động thực hiện các chương trình truyền thông nhằm quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại sản phẩm chăn nuôi tỉnh Đồng Nai đến các kênh phân phối của thị trường quốc tế;

- Kịp thời nắm bắt những rào cản thương mại do chính sách bảo hộ của các nước nhập khẩu bằng cách sản xuất ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế và nâng cao trình độ hiểu biết về luật pháp quốc tế cho các nhà quản lý và doanh nghiệp xuất khẩu;

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm mới, sản phẩm giá trị gia tăng đến các nhà phân phối, hệ thống siêu thị, người tiêu dùng; đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm chăn nuôi đặc sản của tỉnh Đồng Nai.

III. CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN

1. Phát triển một số cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm quy mô tập trung, công nghiệp với thiết bị tiên tiến, công nghệ hiện đại gắn với vùng sản xuất chăn nuôi hàng hóa.

2. Phối hợp các đơn vị chuyên môn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khảo sát, đánh giá định kỳ (dự kiến triển khai vào các năm 2025, 2027 và 2029) về: Điều kiện vệ sinh an toàn dịch bệnh, an toàn chất lượng; trình độ, năng lực công nghệ về giết mổ, chế biến các sản phẩm chăn nuôi.

3. Áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử sản phẩm chăn nuôi xuất khẩu.

4. Hướng dẫn, áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, chính sách đặc thù của lĩnh vực giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi.

5. Triển khai, ứng dụng đề tài nghiên cứu hỗ trợ nghiên cứu phát triển sản phẩm chế biến mới và sản phẩm giá trị gia tăng cao.

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, đầu tư cơ sở hạ tầng, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, bảo đảm đúng quy định.

2. Kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án, dự án đầu tư công giai đoạn 2025-2030 bảo đảm đúng quy định.

3. Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước.

4. Nguồn kinh phí hỗ trợ khác theo quy định pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch; chủ động lồng ghép các mục tiêu, nội dung của kế hoạch với các chương trình, đề án, dự án khác có liên quan đảm bảo không để xảy ra trùng lặp, chồng chéo với các đề án, dự án đã và đang triển khai thực hiện.

b) Tổ chức hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết đánh giá kết quả thực hiện hàng năm, đến năm 2025, giai đoạn 2026-2030 và toàn bộ Đề án.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành có liên quan rà soát, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chính sách mới, đặc thù lĩnh vực giết mổ, chế biến sản phẩm chăn nuôi như giết mổ gắn với chế biến, nâng cao tỷ lệ sản phẩm qua chế biến, đầu tư ứng dụng công nghệ tiên tiến, đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất, quản lý môi trường để thúc đẩy lĩnh vực chế biến sản phẩm chăn nuôi hiện đại, hiệu quả, an toàn và bền vững.

d) Chuyển giao công nghệ và tiến bộ kỹ thuật trong giết mổ, bảo quản, chế biến các sản phẩm chăn nuôi; xây dựng cơ sở dữ liệu về công nghiệp giết mổ, chế biến các sản phẩm chăn nuôi.

2. Sở Công Thương

a) Chủ trì, hàng năm xây dựng chương trình xúc tiến thương mại, trong đó lồng ghép việc hỗ trợ xúc tiến tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi của tỉnh. Hỗ trợ, hướng dẫn và kết nối tiêu thụ cho các thương nhân kinh doanh sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn tỉnh tham gia các hội chợ triển lãm và hội nghị kết nối cung cầu tổ chức trong nước và ngoài nước.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục thực hiện tốt công tác phân tích, thông tin và dự báo thị trường tiêu thụ nông sản, đẩy

mạnh việc kết nối, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi. Tiếp tục phối hợp các sở, ngành triển khai thực hiện Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 30/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ đối với ngành công nghiệp giết mổ, chế biến sản phẩm chăn nuôi; chuyển giao công nghệ và tiến bộ kỹ thuật trong giết mổ, bảo quản, chế biến các sản phẩm chăn nuôi.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bố trí quỹ đất cho chăn nuôi, xây dựng vùng giết mổ, chế biến tập trung bảo đảm an toàn dịch bệnh; hướng dẫn cho thủ tục đất đai cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi, giết mổ, bảo quản, chế biến công nghiệp và kiểm soát ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi khi có yêu cầu.

5. Sở Tài chính

Tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối kinh phí thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở chủ trương của cấp có thẩm quyền giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp lý hiện hành.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách, quy định pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước; trên cơ sở đề xuất của các sở, ban, ngành, địa phương, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định bố trí kinh phí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho dự án đầu tư công, trong đó có các dự án để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Rà soát, lập phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bố trí quỹ đất cho chăn nuôi, xây dựng vùng giết mổ, chế biến tập trung bảo đảm an toàn dịch bệnh.

b) Phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện mạng lưới cơ sở giết mổ động vật tập trung; quản lý hoạt động của cơ sở giết mổ động vật tập trung, cơ sở giết mổ động vật không phép; hoạt động sơ chế, chế biến, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật và vệ sinh thú y trên địa bàn.

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch tại địa phương, hằng năm tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Đề án của địa phương gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn tăng cường công tác truyền thông đến toàn thể người dân được biết và phối hợp triển khai hiệu quả các nội dung của Kế hoạch trên phạm vi địa phương.

8. Tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Kế hoạch

a) Chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, địa phương và các cơ quan liên quan để thực hiện kế hoạch.

b) Kịp thời phản ánh những tồn tại bất cập đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện kế hoạch.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện kế hoạch. Định kỳ hàng năm trước ngày 15 tháng 12, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối, theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện kế hoạch định kỳ hàng năm.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Đề án phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh Truyền hình, Báo Đồng Nai;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh (KTN);
- Lưu: VT, KTNS, KTN.

(Khoa/Khengietmo/23.9-562)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi

Phụ lục
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHƯƠNG THỨC GIẾT MỔ ĐỘNG VẬT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Kế hoạch số 329 /KH-UBND ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Stt	Địa điểm		Tên cơ sở giết mổ	Phương thức giết mổ hiện nay	Định hướng đến năm 2030
	Huyện	Xã			
1	Xuân Lộc (05)	Xã Xuân Trường	Nguyễn Thị Yến	Bán công nghiệp	Bán công nghiệp
2		Xã Bảo Hòa	Hòa Hợp	Bán công nghiệp	Bán công nghiệp
3		Xã Xuân Thọ	Hưng Thuận	Bán công nghiệp	Bán công nghiệp
4		Xã Xuân Tâm	Đồng Tiến	Bán công nghiệp	Bán công nghiệp
5		Xuân Bắc	Vũ Yến Food	Chưa xây	Công nghiệp
6	Trảng Bom (17)	Xã Sông Thao	Thuận Trường	Công nghiệp	Công nghiệp
7		Xã Trung Hòa	Công ty Cổ phần GreenFeed Việt Nam	Công nghiệp	Công nghiệp
8		Xã Hố Nai 3	Hoàng Thị Hiền	Bán công nghiệp	Bán công nghiệp
9		Xã Hố Nai 3	Nguyễn Thị Hằng	Bán công nghiệp	Bán công nghiệp
10		Xã Hố Nai 3	Ngô Văn Tú	Bán công nghiệp	Bán công nghiệp
11		Xã Hố Nai 3	Hoàng Văn Tham	Công nghiệp	Công nghiệp
12		Xã Hố Nai 3	Liên Hiệp Tấn Tài	Chưa xây	Công nghiệp
13		Xã Bình Minh	Công ty Vạn Kiến Đạt	Bán công nghiệp	Bán công nghiệp
14		Xã Sông Thao	Nguyễn Bá Thành	Bán công nghiệp	Bán công nghiệp
15		Xã Cây Gáo	Công ty Sing Mark	Chưa xây	Công nghiệp
16		Xã Hố Nai 3	Công ty Hoàng Phúc Hiền	Chưa xây	Công nghiệp
17		Xã Hưng Thịnh	Công ty Đại Hùng Phát	Chưa xây	Công nghiệp
18		Xã Sông Trầu	Công ty Bình Minh	Chưa xây	Công nghiệp
19		Xã Bắc Sơn	Nguyễn Thanh Minh	Chưa xây	Công nghiệp

20		Xã Hồ Nai 3	Bùi Đăng Nhu	Chưa xây	Công nghiệp
21		Xã Hồ Nai 3	Trịnh Thị Yến	Chưa xây	Công nghiệp
22		Xã Hồ Nai 3	Ngô Văn Tú	Chưa xây	Công nghiệp
23	Thống Nhất (08)	Xã Bàu Hàm 2	Bàu Hàm 2	Bán công nghiệp	Bán công nghiệp
24		Xã Gia Tân 2	Nguyễn Thị Thanh	Bán công nghiệp	Bán công nghiệp
25		Xã Lộ 25	Minh Toàn	Thủ công	Bán công nghiệp
26		Xã Gia Tân 3	Thiên Ân	Bán công nghiệp	Bán công nghiệp
27		Xã Gia Kiệm	Phạm Quốc Phong	Bán công nghiệp	Bán công nghiệp
28		Xã Hưng Lộc	Tú Loan	Thủ công	Bán công nghiệp
29		Xã Quang Trung	Cơ sở Hoa Lan	Thủ công	Bán công nghiệp
30		Xã Gia Tân 2	Cơ sở giết mổ đại gia súc Gia Tân 2	Chưa xây	Công nghiệp
31	Long Khánh (03)	Xã Bàu Trâm	Thy Thọ	Công nghiệp	Công nghiệp
32		Xã Bàu Trâm	Phong Hiền	Công nghiệp	Công nghiệp
33		Xã Bàu Trâm	Đoàn Thu	Bán công nghiệp	Bán công nghiệp
34	Cẩm Mỹ (05)	Xã Xuân Mỹ	Hoàng Cử	Thủ công	Bán công nghiệp
35		Xã Sông Ray	Khang Thùy	Thủ công	Bán công nghiệp
36		Xã Nhân Nghĩa	Nguyễn Xuân Phương	Thủ công	Bán công nghiệp
37		Xã Xuân Quế	Nguyễn Ngọc Hùng	Thủ công	Bán công nghiệp
38		Xã Lâm San	Hợp tác xã chăn nuôi gà Tâm Việt	Chưa xây	Công nghiệp
39	Long Thành (01)	Xã Long An	Công ty TNHH Nhà máy giết mổ Phúc An Hưng	Bán công nghiệp	Công nghiệp
40	Tân Phú (05)	Xã Tà Lài	Trần Thị Nụ	Thủ công	Bán công nghiệp
41		Xã Phú Điền	Hồ Thị Bích Liên	Thủ công	Bán công nghiệp

42		Xã Phú Lâm	HTX Hiệp Nhất	Bán công nghiệp	Bán công nghiệp
43		Xã Nam Cát Tiên	Nguyễn Văn Toán	Thủ công	Bán công nghiệp
44		Xã Phú Lộc	Trương Văn Ngọc	Thủ công	Bán công nghiệp
45	Định Quán (05)	Xã La Ngà	Phạm Thị Hà	Thủ công	Bán công nghiệp
46		Xã Suối Nho	Lý Huỳnh Anh	Bán công nghiệp	Bán công nghiệp
47		Xã Thanh Sơn	Cao Thị Đức	Thủ công	Bán công nghiệp
48		Xã Ngọc Định	Văn Trí	Thủ công	Bán công nghiệp
49		Xã Phú Tân	Đỗ Văn Bắc	Chưa xây	Bán công nghiệp
50	Vĩnh Cửu (03)	Xã Thạnh Phú	Anh Hoàng Thy	Công nghiệp	Công nghiệp
51		Xã Phú Lý	Hoàng Đức Văn	Thủ công	Bán công nghiệp
52		Thị Trấn Vĩnh An	Công ty TNHH MTV Hương Vĩnh Cửu	Công nghiệp	Công nghiệp
53	Nhơn Trạch (02)	Xã Vĩnh Thanh	Hoàng Thị Liêm	Bán công nghiệp	Bán công nghiệp
54		Thị trấn Hiệp Phước	Phạm Hữu Vẹn	Bán công nghiệp	Bán công nghiệp
55	Biên Hòa (02)	KCN Loteco, Long Bình	Công ty KOYU& UNITEK	Công nghiệp	Công nghiệp
56		Phường Long Bình	Công ty TNHH Thực phẩm Ngọc Việt Long Bình	Bán công nghiệp	Công nghiệp